BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K18 (2012 - 2016) HỆ ĐẠI HỌC
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ ĐẠI HỌC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2013

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820255389	01262QP/K18ĐH	Trần Thị Kim	**An**	01/09/1994	K18KKT2	6.8	6.6	7.5	**7.0**	K	Quảng Nam	
2	1820254338	01263QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hoàng	**Anh**	03/09/1994	K18KKT1	6.6	7.1	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
3	1820254330	01264QP/K18ĐH	Trần Thị Vân	**Anh**	19/03/1994	K18KKT2	7.5	7.3	6.3	**7.0**	K	Quảng Bình	
4	1820254318	01265QP/K18ĐH	Trương Thị Trâm	**Anh**	23/10/1994	K18KKT3	7.6	7.3	7.5	**7.5**	K	Quảng Trị	
5	1820255882	01266QP/K18ĐH	Phan Thị Mỹ	**Ánh**	04/09/1993	K18KKT1	6.8	7.1	7.3	**7.1**	K	Quảng Bình	
6	1820255379	01267QP/K18ĐH	Dương Nữ Băng	**Châu**	11/04/1994	K18KKT2	6.6	6.3	6.5	**6.5**	TBK	Hà Tĩnh	
7	1820254924	01268QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Minh	**Châu**	14/05/1994	K18KKT3	7.1	7.3	7.0	**7.1**	K	Quảng Nam	
8	1820256073	01269QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Chi**	09/05/1993	K18KKT1	7.1	6.6	6.8	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
9	1820253660	01270QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Chính**	16/03/1994	K18KKT2	6.1	5.9	5.6	**5.9**	TB	Quảng Nam	
10	1821253893	01271QP/K18ĐH	Trần Quang	**Đạt**	02/01/1994	K18KKT3	7.1	7.3	7.0	**7.1**	K	Kon Tum	
11	1820256324	01272QP/K18ĐH	Đặng Thị Ngọc	**Diễm**	14/06/1993	K18KKT1	6.6	6.4	6.8	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
12	1821254336	01273QP/K18ĐH	Lê Hùng	**Đô**	02/04/1994	K18KKT3	6.3	7.8	6.0	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
13	1820256325	01274QP/K18ĐH	Lưu Phạm Hạ	**Đoan**	02/02/1994	K18KKT1	6.6	6.6	6.8	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
14	172317962	01275QP/K18ĐH	Trần Quang	**Đức**	11/03/1993	K18KKT1	7.6	6.1	7.5	**7.1**	K	Gia Lai	
15	1820254913	01276QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Dung**	18/05/1994	K18KKT3	7.1	7.3	6.8	**7.1**	K	Quảng Nam	
16	1821256068	01277QP/K18ĐH	Trần Cao	**Dương**	13/03/1994	K18KKT1	7.0	6.6	6.8	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
17	1821256076	01278QP/K18ĐH	Nguyễn Thành	**Duy**	15/10/1994	K18KKT2	7.1	5.8	6.8	**6.6**	TBK	Vĩnh Phúc	
18	1820253670	01279QP/K18ĐH	Nguyễn Vũ Kiều	**Duyên**	23/07/1994	K18KKT3	7.3	6.8	7.0	**7.0**	K	Quảng Nam	
19	1820254334	01280QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Thu	**Hà**	27/10/1994	K18KKT1	7.6	7.6	7.3	**7.5**	K	Quảng Trị	
20	1820255364	01281QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Hà**	16/06/1994	K18KKT3	6.1	7.1	7.3	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
21	1820255884	01282QP/K18ĐH	Lê Thị Thúy	**Hằng**	31/08/1994	K18KKT1	7.6	7.3	7.8	**7.6**	K	Quảng Bình	
22	1820253679	01283QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Hằng**	02/07/1994	K18KKT2	6.8	6.4	7.3	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
23	1820253658	01284QP/K18ĐH	Lê Trần Mỹ	**Hạnh**	19/02/1994	K18KKT1	7.2	6.8	6.0	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
24	1820233635	01285QP/K18ĐH	Phạm Thị Thu	**Hiền**	11/12/1994	K18KKT2	5.5	5.8	6.8	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
25	1821254340	01286QP/K18ĐH	Dương Văn	**Hiếu**	20/02/1994	K18KKT3	6.7	7.8	7.3	**7.3**	K	Đà Nẵng	
26	1820255886	01287QP/K18ĐH	Trương Thị Vi	**Hoa**	23/06/1993	K18KKT1	6.3	7.3	7.0	**6.9**	TBK	Hà Tĩnh	
27	1821253663	01288QP/K18ĐH	Võ Minh	**Hồng**	12/02/1992	K18KKT1	6.6	7.8	6.8	**7.1**	K	Đà Nẵng	
28	1820214845	01289QP/K18ĐH	Đỗ Thị	**Hồng**	10/04/1994	K18KKT3	7.1	7.5	7.3	**7.3**	K	Quảng Nam	
29	1821615637	01290QP/K18ĐH	Nguyễn Đoan	**Hùng**	14/10/1994	K18KKT2	6.8	5.7	6.3	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
30	1821255374	01291QP/K18ĐH	Trần Kim	**Hùng**	19/02/1994	K18KKT3	5.5	7.8	7.5	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
31	1820254335	01292QP/K18ĐH	Cao Thị Lan	**Hương**	02/12/1994	K18KKT1	7.5	7.3	7.3	**7.4**	K	Quảng Bình	
32	1820255366	01293QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Diễm	**Hương**	01/01/1994	K18KKT2	7.0	5.8	7.3	**6.7**	TBK	Quảng Trị	
33	1821254322	01294QP/K18ĐH	Lê Phát	**Huy**	18/10/1992	K18KKT3	7.1	6.8	7.2	**7.0**	K	Quảng Nam	
34	1820254909	01295QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thu	**Huyền**	31/03/1994	K18KKT1	7.5	7.1	6.8	**7.1**	K	Quảng Bình	
35	1821255356	01296QP/K18ĐH	Đỗ Tiến	**Khuê**	07/06/1994	K18KKT2	6.6	6.9	6.5	**6.7**	TBK	Gia Lai	
36	1820254326	01297QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hương	**Lan**	31/05/1994	K18KKT1	7.6	7.1	7.8	**7.5**	K	Quảng Bình	
37	1820253665	01298QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Mỹ	**Liên**	26/10/1994	K18KKT3	7.6	7.3	7.3	**7.4**	K	Quảng Nam	
38	1820255365	01299QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kim	**Loan**	13/06/1994	K18KKT1	6.6	6.6	7.3	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
39	1820255714	01300QP/K18ĐH	Võ Thị	**Lời**	10/06/1994	K18KKT2	6.1	6.6	6.3	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
40	1821254320	01301QP/K18ĐH	Đoàn Đại	**Luyn**	01/05/1993	K18KKT3	6.3	6.6	7.3	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
41	1820254342	01302QP/K18ĐH	Phan Thị Khánh	**Ly**	25/09/1994	K18KKT1	7.0	7.1	7.3	**7.1**	K	Quảng Bình	

42	1820254907	01303QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Lý**	08/07/1994	K18KKT3	6.6	6.6	6.8	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
43	1820254920	01304QP/K18ĐH	Lê Thị Ngọc	**Mai**	17/07/1994	K18KKT1	7.3	7.6	7.8	**7.6**	K	Quảng Bình	
44	1820253668	01305QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ánh	**Minh**	16/01/1994	K18KKT1	7.0	6.6	6.4	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
45	1821253664	01306QP/K18ĐH	Đặng Hồng	**Minh**	10/01/1994	K18KKT3	6.8	7.6	8.0	**7.5**	K	Đà Nẵng	
46	1820254905	01307QP/K18ĐH	Dương Thị Hồng	**Nga**	19/07/1992	K18KKT2	7.1	6.4	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
47	1820253894	01308QP/K18ĐH	Trần Nguyễn Quỳnh	**Ngân**	14/12/1994	K18KKT1	6.3	6.3	7.5	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
48	1820253657	01309QP/K18ĐH	Lê Thị Tuyết	**Ngân**	09/10/1994	K18KKT3	6.6	6.6	7.3	**6.8**	TBK	Quảng Trị	
49	1820256075	01310QP/K18ĐH	Đinh Thị Ánh	**Ngọc**	06/12/1994	K18KKT2	6.3	7.6	7.5	**7.1**	K	Quảng Bình	
50	1820254915	01311QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ánh	**Ngọc**	24/12/1994	K18KKT2	6.5	6.6	6.5	**6.5**	TBK	Quảng Bình	
51	1820254331	01312QP/K18ĐH	Võ Thị Yến	**Ngọc**	09/03/1994	K18KKT3	7.6	8.3	8.0	**8.0**	G	Quảng Trị	
52	1820253671	01313QP/K18ĐH	Hoàng Phương	**Ngọc**	21/10/1994	K18KKT3	7.1	7.8	7.5	**7.5**	K	Quảng Bình	
53	1821253667	01314QP/K18ĐH	Nguyễn Ích	**Nguyên**	15/03/1994	K18KKT2	6.5	5.6	7.1	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
54	1821254348	01315QP/K18ĐH	Trần Đại	**Nhân**	26/03/1994	K18KKT1	7.1	6.9	7.8	**7.3**	K	Đà Nẵng	
55	1821254914	01316QP/K18ĐH	Nguyễn Thành	**Nhân**	29/03/1993	K18KKT3	6.1	6.7	6.7	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
56	1820254346	01317QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	17/07/1994	K18KKT1	6.5	6.8	7.5	**6.9**	TBK	Quảng Bình	
57	1820255720	01318QP/K18ĐH	Phạm Thị Hồng	**Nhung**	12/12/1994	K18KKT2	7.1	7.1	7.5	**7.2**	K	Hà Tĩnh	
58	1820253899	01319QP/K18ĐH	Bùi Thị Bích	**Nhung**	21/02/1994	K18KKT2	7.5	6.6	7.5	**7.2**	K	Quảng Nam	
59	1820255381	01320QP/K18ĐH	Mai Thị Mỹ	**Nhung**	24/03/1994	K18KKT3	7.6	7.3	7.3	**7.4**	K	Quảng Trị	
60	1821254327	01321QP/K18ĐH	Nguyễn Tấn	**Nhựt**	09/01/1994	K18KKT2	7.1	5.0	6.8	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
61	1820255359	01322QP/K18ĐH	Lê Thị	**Oanh**	15/06/1994	K18KKT1	7.0	7.1	6.8	**7.0**	K	Gia Lai	
62	1820255360	01323QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kim	**Oanh**	30/04/1994	K18KKT2	7.1	7.6	6.3	**7.0**	K	Hà Tĩnh	
63	1820255881	01324QP/K18ĐH	Trần Thị Diễm	**Phúc**	26/08/1994	K18KKT2	6.6	6.6	7.3	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
64	1821255358	01325QP/K18ĐH	Hoàng Công	**Phước**	22/12/1994	K18KKT3	7.0	7.1	7.5	**7.2**	K	Đà Nẵng	
65	1821253659	01326QP/K18ĐH	Đặng Trấn Hồng	**Phương**	14/10/1994	K18KKT1	6.3	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
66	1820254319	01327QP/K18ĐH	Trần Thị Thanh	**Phương**	03/02/1994	K18KKT1	7.8	7.8	6.2	**7.3**	K	Phú Yên	
67	1820256323	01328QP/K18ĐH	Hoàng Thị Thanh	**Phương**	26/08/1993	K18KKT2	7.6	6.6	7.3	**7.2**	K	Quảng Trị	
68	1820255372	01329QP/K18ĐH	Trần Thị Cúc	**Phương**	22/05/1993	K18KKT2	6.6	7.1	7.5	**7.1**	K	Quảng Bình	
69	1820254906	01330QP/K18ĐH	Phan Thị Mai	**Phương**	15/12/1994	K18KKT3	6.2	7.1	8.0	**7.1**	K	Gia Lai	
70	1821253690	01331QP/K18ĐH	Nguyễn Thanh	**Quang**	21/04/1994	K18KKT1	6.6	6.1	7.5	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
71	1821254916	01332QP/K18ĐH	Trần Đăng	**Quang**	10/12/1994	K18KKT2	6.6	5.3	6.3	**6.1**	TBK	Kon Tum	
72	1820253655	01333QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	04/10/1993	K18KKT3	7.3	7.6	7.5	**7.5**	K	Quảng Trị	
73	1821254911	01334QP/K18ĐH	Hoàng Ngọc	**Sơn**	17/10/1994	K18KKT1	6.8	6.9	6.2	**6.6**	TBK	Quảng Bình	
74	1820256444	01335QP/K18ĐH	Trần Thị Thanh	**Tâm**	03/04/1994	K18KKT2	6.3	6.1	6.8	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
75	1820256446	01336QP/K18ĐH	Đặng Thị Thanh	**Thảo**	19/08/1994	K18KKT1	7.1	6.1	7.3	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
76	1820255369	01337QP/K18ĐH	Trần Thị Phương	**Thảo**	09/01/1994	K18KKT1	7.1	5.8	6.8	**6.6**	TBK	Quảng Bình	
77	1820255711	01338QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Thảo**	20/12/1994	K18KKT2	6.7	6.1	6.5	**6.4**	TBK	Gia Lai	
78	1820254910	01339QP/K18ĐH	Trần Thị Phương	**Thảo**	20/07/1994	K18KKT2	6.6	6.4	6.8	**6.6**	TBK	Quảng Trị	
79	1820254332	01340QP/K18ĐH	Trần Thị Thu	**Thảo**	02/04/1994	K18KKT3	6.8	7.8	7.6	**7.4**	K	Quảng Bình	
80	1821256077	01341QP/K18ĐH	Huỳnh Phước	**Thiện**	31/01/1994	K18KKT1	7.0	6.1	6.8	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
81	1820256330	01342QP/K18ĐH	Trần Thị Diệu	**Thu**	20/04/1994	K18KKT3	7.1	6.3	7.3	**6.9**	TBK	Quảng Trị	
82	1820254347	01343QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Thương**	08/06/1994	K18KKT2	6.8	6.6	7.3	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
83	1820255885	01344QP/K18ĐH	Võ Thị Ngọc	**Thương**	02/03/1993	K18KKT3	7.1	7.1	6.8	**7.0**	K	Quảng Bình	
84	1821254321	01345QP/K18ĐH	Đỗ Đăng	**Thượng**	13/06/1994	K18KKT1	7.0	6.6	6.8	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
85	1820253666	01346QP/K18ĐH	Trần Thị Minh	**Thúy**	28/08/1994	K18KKT1	7.0	7.6	7.3	**7.3**	K	Đà Nẵng	
86	1820254908	01347QP/K18ĐH	Lê Thị	**Thúy**	22/07/1994	K18KKT2	7.0	7.0	6.8	**6.9**	TBK	Gia Lai	
87	1820255363	01348QP/K18ĐH	Lê Thị	**Thúy**	20/04/1994	K18KKT3	6.1	6.6	6.8	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
88	1820256584	01349QP/K18ĐH	Hoàng Thị Thu	**Thủy**	02/07/1993	K18KKT3	6.3	6.3	6.6	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
89	1820254345	01350QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Cát	**Tiên**	27/06/1994	K18KKT1	6.5	6.6	6.8	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
90	1821255712	01351QP/K18ĐH	Lưu Phạm Công	**Tình**	25/05/1994	K18KKT3	7.1	7.1	7.3	**7.2**	K	Quảng Nam	
91	1820256443	01352QP/K18ĐH	Võ Thị Thanh	**Tịnh**	13/05/1994	K18KKT1	6.6	7.1	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	

92	1820255716	01353QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Thùy	**Trâm**	10/09/1994	K18KKT2	6.3	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
93	1820254339	01354QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Bích	**Trâm**	10/11/1994	K18KKT3	7.1	7.1	7.0	**7.1**	K	Quảng Nam	
94	1820254317	01355QP/K18ĐH	Trần Thị	**Trang**	22/10/1994	K18KKT1	7.1	6.0	6.5	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
95	1820256072	01356QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Huyền	**Trang**	12/09/1993	K18KKT2	7.1	7.6	7.5	**7.4**	K	Nghệ An	
96	1820256326	01357QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	19/09/1994	K18KKT3	7.1	6.6	6.7	**6.8**	TBK	Quảng Ngãi	
97	1820244294	01358QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Trang**	07/03/1994	K18KKT3	6.6	6.8	7.5	**7.0**	K	Quảng Trị	
98	1820255889	01359QP/K18ĐH	Tăng Thị Hoài	**Trinh**	01/01/1994	K18KKT1	7.1	7.3	6.8	**7.1**	K	Quảng Nam	
99	1820255370	01360QP/K18ĐH	Dương Thị Tuyết	**Trinh**	27/08/1994	K18KKT2	7.8	7.1	7.3	**7.4**	K	Quảng Trị	
100	1820255367	01361QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thu	**Trinh**	17/06/1994	K18KKT3	6.1	7.1	7.0	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
101	1821254329	01362QP/K18ĐH	Đặng Minh	**Tuấn**	27/06/1993	K18KKT3	5.7	7.0	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Trị	
102	1821256329	01363QP/K18ĐH	Kiều Văn	**Tùng**	11/09/1993	K18KKT1	7.0	7.0	7.3	**7.1**	K	Đà Nẵng	
103	1820254328	01364QP/K18ĐH	Hồ Thị Kim	**Tuyến**	29/10/1994	K18KKT2	8.0	7.6	7.5	**7.7**	K	Quảng Trị	
104	1820255373	01365QP/K18ĐH	Trần Thị Thanh	**Tuyền**	20/10/1994	K18KKT3	6.6	7.1	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
105	1820254917	01366QP/K18ĐH	Đỗ Thanh Nhã	**Uyên**	30/01/1994	K18KKT1	7.3	6.0	6.8	**6.7**	TBK	Ninh Thuận	
106	1820256328	01367QP/K18ĐH	Ca Thị Thanh	**Vân**	10/04/1994	K18KKT2	6.1	6.6	7.5	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
107	1820254343	01368QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Tường	**Vi**	17/09/1994	K18KKT3	7.1	7.6	7.3	**7.3**	K	Quảng Nam	
108	1821253661	01369QP/K18ĐH	Cao Thanh	**Vinh**	04/10/1994	K18KKT2	6.6	7.3	6.5	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
109	1820255368	01370QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Vũ**	06/09/1994	K18KKT3	6.5	7.1	6.9	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
110	1820253662	01371QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Kim	**Vương**	18/07/1994	K18KKT1	6.6	7.3	6.8	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
111	1820255371	01372QP/K18ĐH	Lê Thị Thu	**Vương**	01/04/1994	K18KKT2	7.5	6.1	7.0	**6.9**	TBK	Quảng Bình	
112	1821255887	01373QP/K18ĐH	Lê Quốc	**Vương**	12/10/1993	K18KKT3	6.6	6.0	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
113	1820335901	01374QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Vy**	20/02/1994	K18KKT1	7.1	7.1	7.3	**7.2**	K	DakLak	
114	1820253895	01375QP/K18ĐH	Tôn Nữ Khánh	**Vy**	17/06/1994	K18KKT2	6.3	5.8	6.7	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
115	1820255715	01376QP/K18ĐH	Thái Thị Minh	**Xuân**	01/06/1994	K18KKT3	7.1	6.6	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
116	1820256445	01377QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hoài	**Xuyên**	03/11/1994	K18KKT1	6.6	6.2	7.3	**6.7**	TBK	Quảng Nam	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820515270	01378QP/K18ĐH	Phan Thị	**Bé**	16/07/1994	K18YDD	8.0	7.1	7.4	**7.5**	K	Kon Tum	
2	1820515678	01379QP/K18ĐH	Dương Thị Ngọc	**Bích**	08/03/1994	K18YDD	7.6	7.5	6.9	**7.3**	K	Đà Nẵng	
3	1821513577	01380QP/K18ĐH	Phùng Văn	**Chung**	15/07/1994	K18YDD	8.0	8.0	8.0	**8.0**	G	Đà Nẵng	
4	1821515267	01381QP/K18ĐH	Võ Ngọc	**Cường**	31/03/1994	K18YDD	7.6	6.6	6.3	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
5	1820513578	01382QP/K18ĐH	Nguyễn Đình Khánh	**Đan**	17/05/1994	K18YDD	6.6	6.0	6.8	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
6	1820516036	01383QP/K18ĐH	Võ Thị Phúc	**Diễm**	07/08/1994	K18YDD	7.3	7.5	7.8	**7.5**	K	Gia Lai	
7	1820515677	01384QP/K18ĐH	Lê Thị	**Dịu**	13/10/1994	K18YDD	7.1	7.6	7.6	**7.4**	K	Thanh Hóa	
8	1820514815	01385QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Huệ**	02/08/1994	K18YDD	8.0	7.8	6.4	**7.4**	K	Thanh Hóa	
9	1821514175	01386QP/K18ĐH	Phạm	**Huy**	02/04/1994	K18YDD	7.0	6.3	6.6	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
10	1820515266	01387QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thúy	**Liễu**	18/08/1994	K18YDD	7.3	5.9	6.4	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
11	1820515269	01388QP/K18ĐH	Trần Thị Khánh	**Linh**	19/06/1994	K18YDD	8.5	7.1	6.4	**7.3**	K	Quảng Bình	
12	1820514813	01389QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	08/07/1994	K18YDD	8.1	7.3	7.8	**7.7**	K	Gia Lai	
13	1820515680	01390QP/K18ĐH	Trần Thị Khánh	**Ly**	20/10/1994	K18YDD	8.1	7.5	6.4	**7.3**	K	Quảng Trị	
14	1820514809	01391QP/K18ĐH	Đặng Thị Phương	**Ly**	20/04/1994	K18YDD	8.1	8.0	7.3	**7.8**	K	Hà Tĩnh	
15	1820515268	01392QP/K18ĐH	Đoàn Nữ Nga	**My**	17/03/1994	K18YDD	8.7	8.5	7.1	**8.1**	G	Huế	
16	1821514174	01393QP/K18ĐH	Lê Minh	**Ngọc**	03/01/1993	K18YDD	6.0	5.0	5.8	**5.6**	TB	Đà Nẵng	
17	1820513864	01394QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Oanh**	21/11/1994	K18YDD	7.6	7.1	7.3	**7.3**	K	Quảng Trị	
18	1821515679	01395QP/K18ĐH	Lê Thanh	**Phú**	10/04/1994	K18YDD	7.1	6.6	7.3	**7.0**	K	Hà Tĩnh	
19	1820514812	01396QP/K18ĐH	Phan Thị Hoài	**Phương**	14/10/1994	K18YDD	7.5	8.0	7.4	**7.6**	K	Huế	
20	1820516037	01397QP/K18ĐH	Lê Thị	**Phượng**	12/11/1993	K18YDD	8.0	7.9	6.8	**7.6**	K	Hải Dương	
21	1820514814	01398QP/K18ĐH	Trần Thị Ánh	**Sương**	20/10/1994	K18YDD	7.6	6.1	6.8	**6.8**	TBK	Quảng Trị	
22	1820514811	01399QP/K18ĐH	Võ Thị Thu	**Thảo**	28/08/1994	K18YDD	7.1	6.4	6.9	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
23	1820514172	01400QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Thảo**	26/11/1994	K18YDD	7.7	7.1	7.3	**7.4**	K	Hà Nội	
24	1820513580	01401QP/K18ĐH	Nguyễn Hà	**Thu**	29/09/1994	K18YDD	8.2	8.0	8.0	**8.1**	G	Đà Nẵng	
25	1820516035	01402QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Huyền	**Trang**	18/04/1994	K18YDD	7.0	7.0	6.9	**7.0**	K	Quảng Bình	
26	1820514173	01403QP/K18ĐH	Trương Thị	**Xuân**	12/10/1993	K18YDD	8.7	7.3	7.3	**7.8**	K	Quảng Bình	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821524821	01404QP/K18ĐH	Hoàng Tuấn	**Anh**	17/06/1993	K18YDH1	7.6	7.3	6.4	**7.1**	K	Bình Định	
2	1821524190	01405QP/K18ĐH	Phan Thế	**Anh**	19/12/1994	K18YDH2	7.3	6.6	6.1	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	

3	1820523599	01406QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Việt	**Anh**	11/01/1993	K18YDH3	6.6	7.6	7.1	**7.1**	K	Đà Nẵng	
4	1820524832	01407QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Ánh**	07/07/1993	K18YDH1	7.6	6.5	7.3	**7.1**	K	Quảng Bình	
5	1821523870	01408QP/K18ĐH	Hoàng Xuân	**Bách**	15/01/1994	K18YDH2	8.1	7.3	6.9	**7.4**	K	Đà Nẵng	
6	1821524177	01409QP/K18ĐH	Trần Văn	**Cảnh**	10/11/1994	K18YDH1	6.9	6.1	6.4	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
7	1820526216	01410QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Châu**	02/11/1994	K18YDH4	8.2	6.3	6.6	**7.0**	K	Đà Nẵng	
8	1820526431	01411QP/K18ĐH	Lê Thị Mi	**Chi**	05/07/1994	K18YDH2	7.1	7.6	6.4	**7.0**	K	DakLak	
9	1821526400	01412QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Chính**	16/01/1994	K18YDH4	8.2	6.3	7.1	**7.2**	K	Bình Định	
10	1820253689	01413QP/K18ĐH	Hà Thị Yến	**Cơ**	30/01/1994	K18YDH4	7.7	6.3	7.1	**7.0**	K	Quảng Nam	
11	1820525860	01414QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Cúc**	25/11/1993	K18YDH4	6.6	6.1	7.1	**6.6**	TBK	Gia Lai	
12	1821526625	01415QP/K18ĐH	Phạm Phi	**Cường**	04/03/1993	K18YDH2	7.0	7.3	6.4	**6.9**	TBK	Gia Lai	
13	1821525683	01416QP/K18ĐH	Phạm Văn	**Cường**	06/01/1994	K18YDH3	7.1	6.3	6.8	**6.7**	TBK	Gia Lai	
14	1821523593	01417QP/K18ĐH	Lê Quang	**Đại**	23/07/1991	K18YDH3	6.6	7.3	5.9	**6.6**	TBK	Nghệ An	
15	1821523609	01418QP/K18ĐH	Lâm Quang Gia	**Đạt**	08/04/1994	K18YDH1	8.2	8.0	7.3	**7.8**	K	Bình Định	
16	1821523605	01419QP/K18ĐH	Đoàn Tiến	**Đạt**	02/09/1994	K18YDH3	6.7	6.6	5.9	**6.4**	TBK	Quảng Trị	
17	1820524210	01420QP/K18ĐH	Trần Mỹ Thùy	**Dung**	30/05/1994	K18YDH2	8.0	7.5	6.9	**7.5**	K	Đà Nẵng	
18	1820524192	01421QP/K18ĐH	Hồ Thanh Thùy	**Dung**	06/07/1994	K18YDH2	8.1	8.3	7.3	**7.9**	K	Quảng Bình	
19	1820525862	01422QP/K18ĐH	Võ Thị Thùy	**Dung**	01/09/1994	K18YDH3	6.6	6.8	6.4	**6.6**	TBK	DakLak	
20	1821524194	01423QP/K18ĐH	Phan Hải	**Đường**	15/09/1994	K18YDH4	7.7	5.7	6.9	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
21	1821526043	01424QP/K18ĐH	Nguyễn Phước	**Duy**	30/12/1994	K18YDH1	6.6	7.0	6.9	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
22	1821525682	01425QP/K18ĐH	Đinh Trần Trọng	**Duy**	28/02/1994	K18YDH4	6.1	6.1	7.1	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
23	1820524186	01426QP/K18ĐH	Trương Lê Hoàng	**Duyên**	24/01/1994	K18YDH1	7.8	7.3	6.4	**7.2**	K	Quảng Ngãi	
24	1820523587	01427QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hương	**Giang**	04/01/1994	K18YDH3	7.8	7.8	7.0	**7.5**	K	Gia Lai	
25	1820525302	01428QP/K18ĐH	Võ Thị Hà	**Giang**	14/08/1994	K18YDH4	7.1	7.1	7.3	**7.2**	K	Quảng Bình	
26	1820524841	01429QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Giàu**	13/06/1994	K18YDH2	8.1	7.6	7.1	**7.6**	K	Bình Định	
27	1820525687	01430QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Hà**	13/09/1994	K18YDH2	8.1	8.0	6.9	**7.7**	K	Quảng Nam	
28	1820524835	01431QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Hậu**	10/05/1994	K18YDH3	6.6	6.8	5.9	**6.4**	TBK	Bình Định	
29	1820526544	01432QP/K18ĐH	Vũ Thị Thu	**Hiền**	11/11/1994	K18YDH1	7.3	5.9	6.9	**6.7**	TBK	Thanh Hóa	
30	1820525859	01433QP/K18ĐH	Kiều Trúc	**Hiếu**	25/10/1994	K18YDH3	6.6	7.3	6.9	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
31	1820524826	01434QP/K18ĐH	Hoàng Phương	**Hoa**	26/06/1993	K18YDH1	7.1	6.3	7.8	**7.1**	K	DakLak	
32	1820526663	01435QP/K18ĐH	Lê Thị Như	**Hoa**	14/02/1994	K18YDH4	7.6	5.9	7.8	**7.1**	K	Quảng Nam	
33	1821525297	01436QP/K18ĐH	Võ Đức	**Hoàng**	11/12/1994	K18YDH1	6.9	6.1	7.8	**6.9**	TBK	Huế	
34	1821524816	01437QP/K18ĐH	Thao A Huy	**Hoàng**	26/08/1994	K18YDH4	7.1	7.3	7.1	**7.2**	K	Bình Định	
35	1820524189	01438QP/K18ĐH	Đậu Thị Mỹ	**Hội**	31/03/1994	K18YDH3	8.1	7.5	7.1	**7.6**	K	Gia Lai	
36	1820524824	01439QP/K18ĐH	Phan Thị Kim	**Hồng**	02/02/1994	K18YDH1	6.6	5.9	6.9	**6.5**	TBK	DakLak	
37	1821523586	01440QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Hưng**	02/08/1994	K18YDH1	8.0	6.9	7.1	**7.3**	K	Phú Yên	
38	1821523600	01441QP/K18ĐH	Ngô Bá Việt	**Hưng**	13/12/1993	K18YDH2	8.0	7.8	7.1	**7.6**	K	Đà Nẵng	
39	1820525857	01442QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Hương**	23/03/1994	K18YDH3	8.1	8.3	6.8	**7.7**	K	Kon Tum	
40	1820524829	01443QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Hữu**	23/08/1994	K18YDH4	7.6	7.5	7.1	**7.4**	K	Quảng Nam	
41	1821524209	01444QP/K18ĐH	Nguyễn Trần Quang Qu	**Huy**	15/10/1994	K18YDH3	6.2	5.7	5.9	**5.9**	TB	Đà Nẵng	
42	1821523606	01445QP/K18ĐH	Nguyễn Văn Bảo	**Huy**	26/08/1994	K18YDH4	6.6	5.9	6.4	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
43	1820523604	01446QP/K18ĐH	Tô Thị Mỹ	**Huyền**	09/10/1994	K18YDH2	6.6	7.8	7.1	**7.2**	K	Huế	
44	1820525292	01447QP/K18ĐH	Nghiêm Thị	**Huyền**	03/03/1993	K18YDH3	6.5	6.1	6.4	**6.3**	TBK	Thái Bình	
45	1820524834	01448QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Huyền**	12/04/1994	K18YDH3	7.1	7.3	6.9	**7.1**	K	Gia Lai	
46	1820526712	01449QP/K18ĐH	Đinh Kim	**Khánh**	25/02/1993	K18YDH3	6.6	7.6	6.6	**6.9**	TBK	Quảng Bình	
47	1821524191	01450QP/K18ĐH	Đỗ Nguyên	**Khôi**	12/03/1994	K18YDH1	8.1	7.3	7.1	**7.5**	K	Quảng Nam	
48	1820525274	01451QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Minh	**Khuê**	22/08/1994	K18YDH1	8.2	7.5	6.9	**7.5**	K	Quảng Trị	
49	1821525681	01452QP/K18ĐH	Võ Thế	**Kiệt**	19/08/1994	K18YDH2	6.6	6.9	6.9	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
50	1820524820	01453QP/K18ĐH	Phan Thị Hồng	**Liên**	20/04/1994	K18YDH1	7.6	7.0	6.9	**7.2**	K	Hà Tĩnh	
51	1820526713	01454QP/K18ĐH	Mai Thị Mỹ	**Liên**	20/04/1992	K18YDH3	7.1	7.8	6.4	**7.1**	K	DakLak	
52	1820524193	01455QP/K18ĐH	Lê Thị Thùy	**Linh**	10/05/1994	K18YDH1	6.6	8.0	6.4	**7.0**	K	Thanh Hóa	
53	1820525684	01456QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Diệu	**Linh**	03/09/1994	K18YDH2	7.6	7.6	7.1	**7.4**	K	DakLak	
54	1820525296	01457QP/K18ĐH	Trương Khánh	**Linh**	28/10/1994	K18YDH4	7.5	6.2	6.9	**6.9**	TBK	Nghệ An	
55	1821525686	01458QP/K18ĐH	Nguyễn Phước	**Long**	01/04/1993	K18YDH2	7.7	7.8	6.9	**7.5**	K	Quảng Nam	
56	1821526212	01459QP/K18ĐH	Lê Đăng	**Luận**	02/01/1994	K18YDH2	7.1	7.8	6.9	**7.3**	K	Khánh Hòa	
57	1820525278	01460QP/K18ĐH	Lê Dạ Thảo	**Ly**	18/11/1994	K18YDH2	7.8	7.1	6.6	**7.2**	K	Gia Lai	
58	1820523585	01461QP/K18ĐH	Huỳnh Thị	**Ly**	20/11/1994	K18YDH3	7.1	7.3	7.6	**7.3**	K	DakLak	
59	1820524187	01462QP/K18ĐH	Mai Thị	**Lý**	21/01/1993	K18YDH4	8.2	6.5	7.1	**7.3**	K	Quảng Trị	
60	1820524837	01463QP/K18ĐH	Hoàng Nguyễn Quỳnh	**Mai**	16/10/1994	K18YDH2	8.1	7.3	7.1	**7.5**	K	Quảng Bình	
61	1821524207	01464QP/K18ĐH	Nguyễn Võ Thái	**Minh**	29/09/1994	K18YDH3	7.6	7.1	6.9	**7.2**	K	Đà Nẵng	
62	1821525685	01465QP/K18ĐH	Mai Thị Hoa	**Mơ**	06/06/1994	K18YDH3	7.1	7.8	7.3	**7.4**	K	DakLak	
63	1821523865	01466QP/K18ĐH	Trần Lê Phú	**Mỹ**	20/07/1993	K18YDH4	6.6	6.8	6.9	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
64	1821525277	01467QP/K18ĐH	Nguyễn Vũ Xuân	**Nam**	21/11/1994	K18YDH2	8.2	8.1	6.6	**7.6**	K	Khánh Hòa	
65	1821525288	01468QP/K18ĐH	Trần Duy	**Nam**	29/03/1994	K18YDH3	6.1	6.4	6.8	**6.4**	TBK	Kon Tum	
66	1821524199	01469QP/K18ĐH	Lê Đỗ Quốc	**Nam**	18/11/1994	K18YDH3	6.6	7.8	7.1	**7.2**	K	Quảng Nam	
67	1821526623	01470QP/K18ĐH	Đặng Nguyên	**Nam**	08/08/1994	K18YDH4	7.1	7.8	6.6	**7.2**	K	Quảng Ngãi	
68	1820525689	01471QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Phương	**Nga**	01/01/1994	K18YDH1	6.6	6.5	6.4	**6.5**	TBK	DakLak	
69	1820524833	01472QP/K18ĐH	Võ Quỳnh	**Nga**	14/08/1994	K18YDH3	7.1	7.3	6.8	**7.1**	K	Quảng Bình	
70	1820524817	01473QP/K18ĐH	Trần Quỳnh	**Nga**	27/12/1992	K18YDH4	7.3	6.5	7.1	**7.0**	K	Nghệ An	
71	1820524195	01474QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thúy	**Nga**	16/07/1994	K18YDH4	6.3	7.6	7.3	**7.1**	K	Đà Nẵng	
72	1820523582	01475QP/K18ĐH	Châu Ngọc Mai	**Ngân**	14/07/1994	K18YDH1	7.6	6.5	6.6	**6.9**	TBK	Đak Nông	
73	1821526305	01476QP/K18ĐH	Trịnh Ngọc Trọng	**Nghĩa**	28/08/1994	K18YDH4	6.6	6.1	6.9	**6.5**	TBK	Gia Lai	
74	1820525300	01477QP/K18ĐH	Phan Phương	**Ngọc**	07/10/1994	K18YDH2	7.1	8.3	7.1	**7.5**	K	Gia Lai	
75	1820524839	01478QP/K18ĐH	Ngô Thị Thảo	**Nguyên**	10/01/1994	K18YDH1	6.6	7.0	7.3	**7.0**	K	Đà Nẵng	

76	1820524208	01479QP/K18ĐH	Phan Vũ Thảo	**Nguyên**	24/03/1993	K18YDH2	5.5	6.4	7.0	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
77	1820524179	01480QP/K18ĐH	Lê Thị Thu	**Nguyệt**	18/10/1994	K18YDH3	6.8	6.8	5.9	**6.5**	TBK	Bình Định	
78	1820525284	01481QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Nhàn**	01/06/1993	K18YDH1	7.1	7.3	6.4	**6.9**	TBK	Huế	
79	1821526433	01482QP/K18ĐH	Trần Bảo	**Nhân**	24/06/1994	K18YDH1	7.7	5.9	6.4	**6.7**	TBK	DakLak	
80	1820523607	01483QP/K18ĐH	Nguyễn Hải Vân	**Nhi**	22/01/1993	K18YDH3	7.6	7.5	6.8	**7.3**	K	Hồ Chí Minh	
81	1820523602	01484QP/K18ĐH	Trương Thục	**Nhi**	26/02/1994	K18YDH4	7.1	8.0	6.9	**7.3**	K	Đà Nẵng	
82	1820526306	01485QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Nhơn**	21/04/1994	K18YDH3	7.1	8.0	6.8	**7.3**	K	Bình Định	
83	1820526579	01486QP/K18ĐH	Trương Thị Mỹ	**Nhung**	02/06/1994	K18YDH2	6.6	6.3	6.8	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
84	1820525294	01487QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Chi	**Nữ**	09/06/1994	K18YDH3	7.2	6.8	6.4	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
85	1820526662	01488QP/K18ĐH	Đào Thị Yến	**Ny**	01/01/1994	K18YDH4	7.4	6.6	6.9	**7.0**	K	Quảng Nam	
86	1821525283	01489QP/K18ĐH	Đỗ Đại	**Phong**	26/11/1992	K18YDH1	7.3	6.9	6.9	**7.0**	K	Gia Lai	
87	1821523598	01490QP/K18ĐH	Mai Hoàng	**Phúc**	22/07/1992	K18YDH2	7.2	8.0	6.1	**7.1**	K	Đà Nẵng	
88	1821524176	01491QP/K18ĐH	Mai Đức	**Phúc**	02/04/1994	K18YDH3	5.5	7.5	5.9	**6.3**	TBK	Gia Lai	
89	1821525287	01492QP/K18ĐH	Đỗ Hoài	**Phương**	30/09/1994	K18YDH2	7.3	6.8	6.9	**7.0**	K	Quảng Bình	
90	1820525865	01493QP/K18ĐH	Lê Thị Đại	**Phương**	17/11/1994	K18YDH2	7.1	7.1	7.3	**7.2**	K	Quảng Ngãi	
91	1821526047	01494QP/K18ĐH	Lê Nguyễn	**Phương**	11/03/1993	K18YDH3	7.8	7.0	6.1	**7.0**	K	Đà Nẵng	
92	1820526428	01495QP/K18ĐH	Lê Thị Thu	**Phương**	19/01/1994	K18YDH4	6.6	6.8	7.1	**6.8**	TBK	Hà Tĩnh	
93	1820526046	01496QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Nhật	**Quỳnh**	18/06/1994	K18YDH2	7.6	7.0	7.1	**7.2**	K	Huế	
94	1821526039	01497QP/K18ĐH	Nguyễn Quang	**Sang**	10/01/1994	K18YDH3	7.1	7.1	6.4	**6.9**	TBK	Huế	
95	1821523588	01498QP/K18ĐH	Huỳnh Bá	**Tài**	13/09/1994	K18YDH1	6.8	6.7	7.1	**6.9**	TBK	Đak Nông	
96	1820524184	01499QP/K18ĐH	Trần Thị Thanh	**Tâm**	02/02/1993	K18YDH1	7.9	6.3	7.6	**7.3**	K	Hà Tĩnh	
97	1821524178	01500QP/K18ĐH	Đinh Nhật	**Thăng**	07/11/1994	K18YDH2	6.8	8.3	6.9	**7.3**	K	Gia Lai	
98	1821524198	01501QP/K18ĐH	Lê Hữu	**Thắng**	08/02/1994	K18YDH1	6.3	5.3	6.6	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
99	1820525273	01502QP/K18ĐH	Đỗ Xuân	**Thảo**	06/03/1994	K18YDH1	7.1	6.9	7.1	**7.0**	K	Gia Lai	
100	1820523590	01503QP/K18ĐH	Trần Thạch	**Thảo**	22/10/1994	K18YDH1	6.1	6.1	7.1	**6.4**	TBK	Phú Yên	
101	1820523603	01504QP/K18ĐH	Đoàn Thị Thanh	**Thảo**	01/01/1994	K18YDH2	7.6	7.6	7.3	**7.5**	K	Quảng Nam	
102	1820523589	01505QP/K18ĐH	Nguyễn Thu	**Thảo**	01/08/1994	K18YDH3	7.1	8.0	7.1	**7.4**	K	Bình Định	
103	1821524182	01506QP/K18ĐH	Trần Quốc	**Thịnh**	07/10/1994	K18YDH3	7.6	6.8	6.6	**7.0**	K	Quảng Bình	
104	1821524180	01507QP/K18ĐH	Nguyễn Ngọc	**Thới**	02/02/1994	K18YDH3	6.1	6.5	6.6	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
105	1821524830	01508QP/K18ĐH	Trần Quang	**Thông**	28/03/1994	K18YDH3	6.6	6.5	6.4	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
106	1820525280	01509QP/K18ĐH	Phan Thị Nguyệt	**Thu**	30/09/1993	K18YDH3	7.7	7.3	6.9	**7.3**	K	Quảng Nam	
107	1820525291	01510QP/K18ĐH	Nguyễn Anh	**Thư**	01/01/1993	K18YDH1	7.1	7.2	6.6	**7.0**	K	Quảng Nam	
108	1821524206	01511QP/K18ĐH	Lê Văn Cao	**Thuận**	08/12/1994	K18YDH4	7.3	6.6	6.9	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
109	1820714393	01512QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Thuận**	10/05/1994	K18YDH4	7.6	6.0	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
110	1820524204	01513QP/K18ĐH	Tô Thị Kim	**Thương**	28/05/1993	K18YDH1	7.1	7.0	7.6	**7.2**	K	Quảng Nam	
111	1820525286	01514QP/K18ĐH	Lê Thị Huyền	**Thương**	15/08/1994	K18YDH2	7.8	7.3	7.3	**7.5**	K	Thanh Hóa	
112	1820524822	01515QP/K18ĐH	Bùi Thị Thanh	**Thúy**	06/10/1993	K18YDH1	7.1	7.1	7.3	**7.2**	K	Đak Nông	
113	1820525301	01516QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Thúy**	26/11/1994	K18YDH2	7.7	7.8	6.9	**7.5**	K	Thái Bình	
114	1820525282	01517QP/K18ĐH	Lê Thị Thu	**Thúy**	10/04/1993	K18YDH4	5.9	6.6	7.8	**6.8**	TBK	DakLak	
115	1820526429	01518QP/K18ĐH	Phạm Thị Thu	**Thùy**	27/12/1994	K18YDH2	8.5	8.0	6.9	**7.8**	K	Quảng Ngãi	
116	1820524201	01519QP/K18ĐH	Nguyễn Phạm Bích	**Thùy**	06/08/1994	K18YDH3	6.6	6.5	6.6	**6.6**	TBK	Phú Yên	
117	1821526045	01520QP/K18ĐH	Ngô Quang	**Thụy**	24/09/1994	K18YDH1	6.9	5.9	7.4	**6.7**	TBK	DakLak	
118	1821524200	01521QP/K18ĐH	Bùi Minh	**Tiến**	31/03/1994	K18YDH4	7.1	6.8	6.4	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
119	1821524819	01522QP/K18ĐH	Nguyễn Trọng	**Tín**	02/07/1994	K18YDH4	6.1	6.6	6.6	**6.4**	TBK	DakLak	
120	1820526430	01523QP/K18ĐH	Đàm Thị Thanh	**Trâm**	07/09/1993	K18YDH4	7.6	6.8	7.3	**7.2**	K	Phú Yên	
121	1820525858	01524QP/K18ĐH	Trần Vũ Bích	**Trâm**	12/09/1993	K18YDH4	7.5	7.1	7.1	**7.2**	K	Quảng Nam	
122	1820524831	01525QP/K18ĐH	Hồ Thị Bích	**Trâm**	11/03/1994	K18YDH4	8.2	7.5	6.9	**7.5**	K	Bình Định	
123	1820526044	01526QP/K18ĐH	Trương Thị Thùy	**Trang**	24/11/1993	K18YDH2	7.8	8.0	7.0	**7.6**	K	Quảng Bình	
124	1820524196	01527QP/K18ĐH	Phan Thị Thu	**Trang**	04/07/1994	K18YDH2	7.5	8.0	7.1	**7.5**	K	Đà Nẵng	
125	1820526578	01528QP/K18ĐH	Lê Thị Kiều	**Trang**	26/08/1994	K18YDH3	8.2	7.1	6.4	**7.2**	K	Nghệ An	
126	1820524836	01529QP/K18ĐH	Ngô Thị Việt	**Trinh**	23/06/1994	K18YDH2	7.5	8.2	7.3	**7.7**	K	Quảng Trị	
127	1820523868	01530QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Việt	**Trinh**	10/02/1994	K18YDH4	7.6	6.8	6.8	**7.1**	K	Quảng Nam	
128	1821526038	01531QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Tứ**	05/03/1993	K18YDH1	7.1	6.4	6.9	**6.8**	TBK	DakLak	
129	1820523581	01532QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Cẩm	**Vân**	14/10/1994	K18YDH3	7.7	8.5	6.6	**7.6**	K	Quảng Nam	
130	1820525690	01533QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Diệu Thảo	**Vi**	09/09/1994	K18YDH2	7.1	7.8	7.3	**7.4**	K	DakLak	
131	1821524185	01534QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu Quốc	**Việt**	14/01/1994	K18YDH1	7.8	6.7	7.6	**7.4**	K	Đà Nẵng	
132	1821524188	01535QP/K18ĐH	Trần Quốc	**Việt**	01/04/1994	K18YDH4	6.6	6.5	6.8	**6.6**	TBK	DakLak	
133	1821526514	01536QP/K18ĐH	Phạm Thế	**Vương**	22/08/1994	K18YDH2	7.1	7.4	6.9	**7.1**	K	Gia Lai	
134	1820526624	01537QP/K18ĐH	Lê Ngọc	**Vy**	29/05/1994	K18YDH1	6.6	6.1	6.9	**6.5**	TBK	DakLak	
135	1821524181	01538QP/K18ĐH	Dương Thị Tường	**Vy**	25/11/1994	K18YDH3	6.6	6.3	6.9	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
136	1820525295	01539QP/K18ĐH	Trương Mỹ Tường	**Vy**	07/11/1994	K18YDH3	8.7	8.0	6.9	**7.9**	K	Gia Lai	
137	1820523592	01540QP/K18ĐH	Ngô Thị Tường	**Vy**	24/04/1994	K18YDH3	6.6	7.3	6.9	**6.9**	TBK	DakLak	
138	1820523596	01541QP/K18ĐH	Trương Thị Thảo	**Vy**	22/01/1993	K18YDH4	7.3	6.5	7.1	**7.0**	K	Quảng Nam	
139	1821526304	01542QP/K18ĐH	Đặng Công Minh	**Xuân**	06/03/1994	K18YDH2	6.6	7.5	7.1	**7.1**	K	Đà Nẵng	
140	1820523601	01543QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hà	**Xuyên**	06/06/1994	K18YDH1	6.3	7.3	6.9	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
141	1820525303	01544QP/K18ĐH	Phạm Thị Quỳnh	**Yên**	14/07/1994	K18YDH2	8.1	8.5	6.9	**7.8**	K	Quảng Bình	
142	1820524205	01545QP/K18ĐH	Phạm Thị Minh	**Yến**	26/09/1994	K18YDH1	7.6	7.8	6.9	**7.4**	K	DakLak	
143	1820525299	01546QP/K18ĐH	Phan Ngọc	**Yến**	14/11/1994	K18YDH2	6.1	7.1	7.1	**6.8**	TBK	Gia Lai	
144	1820525289	01547QP/K18ĐH	Phạm Thị Bảo	**Yến**	20/07/1993	K18YDH3	7.6	7.0	7.1	**7.2**	K	DakLak	
145	1820526432	01548QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Hoàng	**Yến**	06/11/1994	K18YDH4	7.2	6.5	6.4	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
146	1820524840	01549QP/K18ĐH	Lê Thị Văn	**Yến**	28/07/1994	K18YDH4	7.1	7.1	7.3	**7.2**	K	Bình Định	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821211959	0QP/K18LK	Nguyễn Ngọc Hoàng	**Châu**	24/09/1994	LCCC 3+1	7.1	7.8	6.3	**7.1**	K	Đà Nẵng	
2	171325911	0QP/K18LK	Trần Thị Thanh	**Hải**	14/10/1993	LCCC 3+1	6.8	7.0	6.2	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
3	1820231972	0QP/K18LK	Hoàng Thị Khánh	**Phương**	01/12/1993	LCCC 3+1	6.5	6.1	5.8	**6.1**	TBK	Quảng Trị	
4	1811113742	0QP/K18LK	Huỳnh Ngọc	**Luận**	01/07/1994	Lk: 1+1+2	5.8	7.0	6.9	**6.6**	TBK	Quảng Nam	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K18 (2012 - 2016) HỆ ĐẠI HỌC
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ ĐẠI HỌC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2013

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820225333	01550QP/K18ĐH	Võ Kim	**Châu**	27/03/1991	K18QTM1	5.9	**5.9**	TB	inh Đị	hứng chi
2	1821524818	01551QP/K18ĐH	Doãn Bá	**Tín**	01/08/1992	K18YDH1	7.3	**7.3**	K	ảng N	hứng chi
3	1821614729	01552QP/K18ĐH	Nguyễn Nho	**Duy**	11/12/1993	K18XDD3	6.8	**6.8**	TBK	ảng N	hứng chi
4	1821614010	01553QP/K18ĐH	Huỳnh Tấn	**Phong**	26/10/1993	K18XDD3	6.3	**6.3**	TBK	ảng N	hứng chi
5	1821244287	01554QP/K18ĐH	Nguyễn Đức	**Minh**	13/07/1993	K18QNH1	7.0	**7.0**	K	ảng N	hứng chi
6	1820245879	01555QP/K18ĐH	Hoàng Thị Bích	**Trâm**	07/07/1993	K18PSU_QNH	7.3	**7.3**	K	DakLa	hứng chi

TT.GDTC - QP	P.ĐÀO TẠO ĐH & SĐH	PHÒNG. KHTC	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*
ThS. Lê Đức Trọng	**TS. Nguyễn Phi Sơn**	**Đỗ Văn Quý**	**PGS.TS. Lê Đức Toàn**